

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 30-01-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tới.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Mừng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thi, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965. (xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:**

1. Ông Dương Thành C, sinh năm 1962.

2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1972. Có mặt

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Dương Thành C:* Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1972, cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. (theo giấy ủy quyền ngày 29/01/2018). Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Năm 2012 bà có hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp với ông Dương Thành C, bà Nguyễn Kim T. Hai bên có thống nhất số tiền còn nợ và ông Thành C có ký tên vào biên nhận còn nợ bà số tiền 22.823.000 đồng, bà có đến nhà ông C, bà T đòi nợ nhiều lần nhưng ông C, bà T không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu ông C, bà T trả cho bà số tiền 22.823.000 đồng, bà xin rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày 08/9/2012 đến khi Tòa án xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T trình bày: Bà và ông Dương Thành C là vợ chồng, sống chung với nhau năm 1990, không C đăng ký kết hôn, chữ ký trong biên nhận nợ ngày 08/9/2012 là chữ ký của chồng bà. Bà thống nhất vợ chồng bà còn nợ bà O số tiền mua vật tư nông nghiệp 22.823.000 đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn bà xin trả số tiền vốn 22.823.000 đồng và xin không trả lãi cho bà O.

Ông Dương Thành C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị Kim O khởi kiện Ông Dương Thành C, bà Nguyễn Kim T. Ông C, bà T cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Kim O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Giữa bà Nguyễn Thị Kim O với ông Dương Thành C xác lập hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp bằng miệng và sau đó được thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 08/9/2012, ông C ký tên thừa nhận số tiền còn nợ. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Hai bên đã tự nguyện thực hiện và cũng không tranh chấp nội dung của hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận mà chỉ tranh chấp số tiền còn thiếu. Do đó, hình thức của hợp đồng không đặt ra xem xét, mà chỉ xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng nên ông C phải có nghĩa vụ trả bà O số tiền còn nợ. Bà O yêu cầu ông C, bà T trả số tiền 22.823.000 đồng, tại biên bản hòa giải cũng như tờ tự khai của bà Nguyễn Kim T, bà T thống nhất còn nợ bà O số tiền mua vật tư nông nghiệp 22.823.000 đồng, bà và ông C là vợ chồng, đồng ý cùng ông C trả số tiền còn nợ cho bà O. Do ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận ban đầu nên ông C, bà T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ cho bà O.

[3]. Bà O xin rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày 08/9/2012 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà O. Bà O, ông C, bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông C, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền 22.823.000 đồng là phù hợp Điều 298, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T, ông C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4.]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 298, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O.

[1]. Buộc Ông Dương Thành C, bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 22.823.000 (hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

[2]. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Kim O từ ngày 08/9/2012 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Thành C, bà Nguyễn Kim T phải chịu 1.141.150 (một triệu một trăm bốn mươi một nghìn một trăm năm mươi) đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014501 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[4]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thành Tới**